# Đề 1

**I. Phần trắc nghiệm:** (7đ) Khoanh vào đáp án đúng hoặc điền số thích hợp:

**1.1**/ (1đ) Số thập phân gồm hai trăm linh một đơn vị và 7 phần trăm được viết là:

A/ 7,201. B/ 201,7. C/ 201,700. D/ 201,07.

**1.2**/ (1đ) Số lớn nhất trong các số: 0,79; 0,789; 0,709; 0,8 là:

A/ 0,79 B/ 0,789 C/ 0,709 D/ 0,8.

**1.3**/ (0,5đ) Diện tích hình tròn có bán kính 1 cm là:

A/ 12,56 $cm^2$ B/ 3,14 $cm^2$ C/ 6,28 $cm^2$ D/ 62,8 $cm^2$

**1.4/** (0,5đ) Một lớp học có 14 học sinh nữ và 21 học sinh nam. Vậy tỉ số phần trăm học sinh nữ so với số học sinh cả lớp là:

A/ 40% B/ 66,66% C/ 150% D/ 60%

**1.5/** (0,5đ) Tổng hai số bằng 201,7 và hiệu của hai số bằng 1,7. Vậy số lớn là:

A/ 101,7 B/ 100 C/ 184,7 D/ 92,35

**1.6**/ (0,5đ) Khoảng thời gian từ lúc 7 giờ kém 10 phút đến 7 giờ 30 phút là:

A. 10 phút B. 20 phút C. 30 phút D. 40 phút

**1.7**/ (1đ) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ 201,7 m = …….. km b/ 1,5 ngày = …….. giờ.

| **1.8**/ (1đ) Nối x; y với giá trị thích hợp : | **Các giá trị x; y** |
|---|---|
| 0,1 x X = 20,17 | **2,017** |
| X = … | **20,17** |
| y : 0,01 = 201,7 | **201,7** |
| y = … | **2017** |

**1.9**/ (1đ) Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật không có nắp, chiều dài 1m, chiều rộng 0,5m, chiều cao 0,6m. Em hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ Vậy bể đó có thể chứa được …… lít nước. (biết 1dm= 1 lít).

b/ Diện tích kính cần dùng để làm bể cá đó là: ……..$m^2$.

**II. Phần tự luận: (3đ)**

**Bài 1**: (2đ) Thực hiện phép tính

a/ 123,4 + 56,78

b/ 201,7 – 20,16

c/ 201,7 x 2,3

d/ 127,92 : 5,2

**Bài 2**: (1đ) Quãng đường từ EaKar đến Buôn Mê Thuột dài 52km. Một người đi xe máy từ EaKar lúc 7 giờ và đến Buôn Mê Thuột lúc 8 giờ 18 phút. Tính vận tốc của người đó với đơn vị đo km/giờ.

# ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

**I/ Phần trắc nghiệm:**

1.1/ D. 201,07.

1.2/ D. 0,8.

1.3/ B. 3,14 $cm^2$

1.4/ A. 40%

1.5/ A. 101,7

1.6/ D. 40 phút

1.7/

a/ 201,7 m = 0,2017 km b/ 1,5 ngày = 36 giờ.

1.8/ (1đ) Nối x; y với giá trị thích hợp:

a, 0,1 x X = 20,17

x = 201,7

b, y : 0,01 = 201,7

y = 2,017

1.9/

a/ Vậy bể đó có thể chứa được 300 lít nước.

b/ Diện tích kính cần dùng để làm bể cá đó là: 2,3 $m^2$

**II. Phần tự luận: (3đ)**

**Bài 1:** (2đ) Thực hiện phép tính:

a/ (180,18) b/ (181,54) c/ (463,91) d/ (24,6)

**Bài 2:**Giải: Thời gian người đó đi trên đường là:

8 giờ 18 phút – 7 giờ = 1 giờ 18 phút = 1,3 giờ (0,5đ)

Vận tốc của người đó là: 52 : 1,3 = 40 (km/giờ) (0,25đ)

Đáp số: 40 km/giờ (0,25đ)

# Đề 2

**PHẦN I: Trắc nghiệm**

Hãy khoanh tròn vào các chữ A, B, C, đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số thập phân 0,9 được viết dưới dạng phân số là:

A. 9/10

B.9/100

C.9/1000

Câu 2. 25% của 120 là:

A. 25

B.4,8

C.480

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: 2 tấn 17kg =……kg

A. 217 B. 2017

C.2,017

Câu 4. Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình lập phương đó là:

A. 25 $m^3$ B. 125 $m^3$

C.100 $m^3$

Câu 5: Đúng ghi Đ,sai ghi S vào ô trống:

[….] 1/2 giờ = 30 phút

[….] 2 ngày 4 giờ > 24 giờ

Câu 6: 4,8$m^3$ =….$dm^3$:

A. 48$m^3$

B.480$dm^3$

C.4800$dm^3$

PHẦN II: Tự luận

Câu 7: Đặt tính rồi tính:

a. 96,2 + 4,85 b. 5,28 : 4

Câu 8: Tìm x và tính giá trị biểu thức.

10 – x = 46,8 : 6,5 16,5 x (2,32 – 0,48)

Câu 9: Viết số thích hợp vào chỗ …..chấm:

a) 12 ngày = …….giờ b) 1,6 giờ =……..phút

Câu 10: Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 7cm và chiều cao 9cm. Một hình lập phương có cạnh bằng trung bình cộng của 3 kích thước của một hình hộp chữ nhật trên. Tính:

a) Thể tích hình hộp chữ nhật

b) Thể tích hình lập phương.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**

**I. Phần trắc nghiệm ( 6 điểm)**

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | a | b | |
| Ý | A | C | B | B | Đ | S | C |
| Điểm | 1,0 điểm | 1,0 điểm | 1,0 điểm | 1,0 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1,0 điểm |

**II. Phần tự luận: ( 4 điểm)**

**7: a)** 101,05 ( 0,5 điểm)

**b)** 1,32 ( 0,5 điểm)

**8:** 16,5 x ( 2,32 – 0,48)

16,5 x 1,84 = 30,36 ( 1,0 điểm)

**9: a)** 12 ngày = 288 giờ. ( 0,5 điểm)

**b)** 1,6 giờ = 96 phút. ( 0,5 điểm)

**10:**

**Bài giải**

a) Thể tích hình hộp chữ nhật là: 8 x 7 x 9 = 504 ($cm^3$) ( 0,25 điểm)

b) Cạnh của hình lập phương là: (8 + 9 + 7) : 3 = 8 (cm) ( 0,25 điểm)

Thể tích hình lập phương là: 8 x 8 x 8 = 512 ($cm^3$) ( 0,25 điểm)

Đáp số: a) 504 $cm^3$ ; b) 512 $cm^3$ ( 0,25 điểm)

# Đề 3

Bài 1. Đọc số thập phân

a) Số 113,05 đọc là: ……..

b) Số 10,12 đọc là : ……..

Bài 2. Viết số thập phân

a) Mười hai phẩy bảy trăm ba mươi lăm viết là: ……..

b) Một trăm lẻ hai phẩy không bảy viết là: ……

Bài 3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

a. Chữ số 5 trong số 124,352 có giá trị là:

**A.** 5 **B.** $\frac{5}{10}$ **C.** $\frac{5}{100}$

b. $2m^3 85dm^3$ = …… $m^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 2,85

B.2,085

C.285

Bài 4. Điền vào ô trống

a. Một đội bóng rổ đã thi đấu 20 trận, thắng 12 trận. Như thế tỉ số phần trăm các trận thắng của đội bóng đó là: …….. %

b. Số được viết dưới dạng số thập phân của phân số $\frac{1752}{100}$ là: .....

Bài 5. Tính:

a/ 2 giờ 43 phút + 3 giờ 26 phút = ……..

b/ 3 giờ 12 phút – 2 giờ 30 phút = ……..

Bài 6. Tính:

a/ 3256,34 + 428,57 = ……;

b/ 576,40 – 59,28 = ……

Bài 7. Đặt tính rồi tính:

a/ 625,04 x 6,5 b/ 125,76 : 1,6

**Bài 8. Tìm X**

a) 702 x **X** = 3159 b) 136,5 – **X** = 5,4

**Bài 9.** Một hình tam giác có cạnh đáy 6 cm; chiều cao 4 cm. Tìm diện tích hình tam giác này?

**Bài 10.** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 24 m. Chiều rộng kém chiều dài 6 m. Tính diện tích mảnh vườn đó?

**Bài 11.** Bạn Minh làm một cái hộp hình lập phương bằng giấy bìa, có cạnh 10,5 cm. Tính thể tích cái hộp đó?

**Bài 12.** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 30 phút. Giữa đường, người ấy có dừng lại 30 phút để ăn sáng. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B? Biết vận tốc ô tô là 48 km/giờ.

**HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁP ÁN**

Bài 1. (0,5 điểm) Đọc số thập phân: – Đúng mỗi số cho 0,25 điểm

a) Số 113,05 đọc là: Một trăm mười ba phẩy không năm.

b) Số 10,12 đọc là : Mười phẩy mười hai.

Bài 2. (0,5 điểm) Viết  số thập phân – Đúng mỗi số cho 0,25 điểm

a) Mười hai phẩy bảy trăm ba mươi lăm viết là: 12,735

b) Một trăm lẻ hai phẩy không bảy viết là: 102,07

Bài 3. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng – Đúng mỗi ý cho 0,25 điểm

a. Khoanh vào C ;  b. Khoanh vào B

Bài 4.  (0,5 điểm) Điền vào ô trống  – Đúng mỗi ý cho 0,25 điểm

a.  60  %  b. 17,52

Bài 5. (1 điểm) Tính:  (Đúng một bài cho 0,5 điểm)

a/ 2 giờ 43 phút + 3 giờ 26 phút =  5 giờ 69 phút = 6 giờ 09 phút

b/ 3 giờ 12 phút – 2 giờ 30 phút =  42 phút

Bài 6. (1 điểm) Tính: (Đúng một bài cho 0,5 điểm)

a/ 3256,34 + 428,57 = 3684,91  ;  b/ 576,40 – 59,28 =  517,12

Bài 7. (1 điểm) Đặt tính rồi tính: (Đúng một bài cho 0,5 điểm)

a/ 625,04 x 6,5 = 4062,76  b/ 125,76 : 1,6 = 78,6

Bài 8. (1 điểm)  Tìm X (Đúng một bài cho 0,5 điểm)

a) 702  x X  =  3159  (X =  4,5);  b)  136,5 –  X =  5,4  (X = 131,1)

Bài 9. (1 điểm)  Một hình tam giác có cạnh đáy 6 cm; chiều cao 4 cm. Tìm diện tích hình tam giác này?

<u>Bài giải:</u>

Diện tích hình tam giác là:  (0,25 đ)

6 x 4 : 2 = 12 ($cm^2$)  (0,5 đ)

Đáp số: 12 ($cm^2$)  (0,25 đ)

Bài 10. (1 điểm)  Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 24 m. Chiều rộng kém chiều dài 6 m. Tính diện tích mảnh vườn đó?

Bài giải:

Chiều rộng mảnh vườn là: (0,20 đ)

24 – 6 = 18 (m) (0,20 đ)

Diện tích mảnh vườn là: (0,20 đ)

24 x 18 = 432 ($m^2$) (0,20 đ)

Đáp số: 432 ($m^2$) (0,20 đ)

Bài 11. (1 điểm) Bạn Minh làm một cái hộp hình lập phương bằng giấy bìa, có cạnh 10,5 cm. Tính thể tích cái hộp đó?

Bài giải:

Thể tích cái hộp là: (0,25 đ)

10,5 x 10,5 x 10,5 = 1157,625 ($cm^3$) (0,5 đ)

Đáp số: 1157,625 ($cm^3$) (0,25 đ)

Bài 12. (1 điểm) Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 30 phút. Giữa đường, người ấy có dừng lại 30 phút để ăn sáng. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B? Biết vận tốc ô tô là 48 km/giờ.

Bài giải:

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B là: (0,15 đ)

10 giờ 30 phút – 6 giờ = 4 giờ 30 phút (0,15 đ)

Thời gian ô tô đi, không kể thời gian nghỉ là: (0,15 đ)

4 giờ 30 phút – 30 phút = 4 (giờ) (0,15 đ)

Độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là: (0,15 đ)

48 x 4 = 192 (km) (0,15 đ)

Đáp số: 192 km. (0,10 đ)

# Đề 4

**A. Phần trắc nghiệm**: (5,5 điểm)

Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng :

**1**: Số nào dưới đây có chữ số 2 ở hàng phần trăm? (0,5 điểm)

a. 0,2005 b. 0,0205 c. 0,0025 d. 0,0502

**2**: Số lớn nhất trong các số sau là: (0,5 điểm)

a. 7,85 b. 7,58 c. 8,57 d. 8,75

**3**: 12,34 x 100 = ?(0,5 điểm)

a. 0,1234 b. 1,234 c. 1234 d. 123,4

**4**: 5kg 23g = …….kg (1 điểm)

a.5,023kg b. 5,23kg c. 5230kg d. 5023kg

**5:** Một hình tam giác có độ dài cạnh đáy là 6,5cm, chiều cao là 4,2cm. Diện tích của hình tam giác đó là: (1 điểm)

a. 27,3cm2 b. 5,35cm2 c. 13,65 cm2 d. 10.7cm$^2$

**6**: Số học sinh nữ của lớp 5B là 15 và chiếm 60% số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 5B có bao nhiêu học sinh: (1 điểm)

a. 40 b. 25 c. 20 d. 30

**7:** Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 2 giờ 6 phút = ……..phút là: (1 điểm)

| | | | |
|---|---|---|---|
| a. 2,6 | b. 126 | c. 120 | d. 66 |

**B.Phần tự luận**: (4,5 điểm)

**8**: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

| | |
|---|---|
| a) 57,648 + 35,37 | b) 70,9 – 23,26 |
| c) 18,2 x 3,5 | d) 17,55 : 3,9 |

**9** Nối các mặt đồng hồ chỉ đúng giờ trong ngày: (1 điểm)

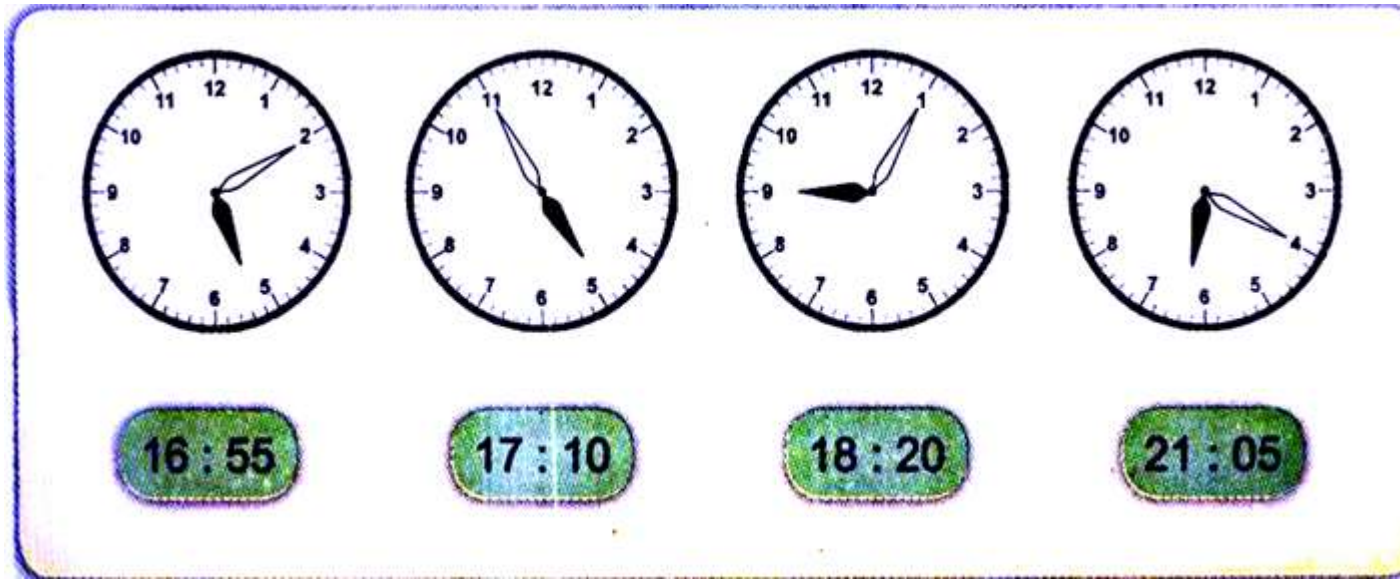


**10:** Một hình vuông có cạnh 5cm. Một hình tam giác có đáy là 8cm và có diện tích bằng diện tích hình vuông. Tính chiều cao của tam giác. (1,5 điểm)

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM**

**A. Phần trắc nghiệm**: (5,5 điểm)

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Ý đúng | b | d | c | a | c | b | b |
| Điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm |

**B.Phần tự luận**: (4,5 điểm)

**8**: Đặt tính rồi tính: (2điểm) HS tính đúng mỗi câu 0,5 điểm.

a). 57,648 + 35,37 = 93,018 b) 70,9 – 23,26 = 47,64

c). 18,2 x 3,5 = 63,7

d) 17,55 : 3,9 = 13,65

**9:** (1 điểm) HS nối đúng mỗi cặp hình đạt 0,25 điểm:

**10**: (1,5 điểm)

**<u>Bài giải:</u>**

Diện tích hình tam giác là:

5 x 5 = 25 ($cm^2$) (0.5 điểm)

Chiều cao hình tam giác là:

25 x 2 : 8 = 6,25 (cm) (1,25 điểm)

Đáp số: 6,25cm (0,25 điểm)

# Đề 5

**Câu 1.** Chữ số 5 trong số 162,57 chỉ: (1điểm)

A. 5 đơn vị B. 5 phần mười C. 5 chục D. 5 phần trăm

**Câu 2.** Hỗn số $2\frac{3}{5}$ được viết dưới dạng phân số là: (1điểm)

A. $\frac{21}{5}$ B. $\frac{25}{3}$ C. $\frac{13}{10}$ D. $\frac{13}{5}$

**Câu 3.** Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy 1/5 số viên bi có màu: (1 điểm)

A. Nâu B. Đỏ C. Xanh D. Trắng

**Câu 4**. Khoảng thời gian từ 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là: (1 điểm)

A. 10 phút B. 20 phút C. 30 phút D. 40 phút

**Câu 5.** Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê? (1 điểm)

A. 150% B. 15% C. 1500% D. 105%

**Câu 6.** Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là: (1 điểm)

A. 150 $m^3$ B. 125 $m^3$ C. 100 $m^3$ D. 25 $m^3$

**Câu 7.** Đặt tính rồi tính: (1điểm)

34,56 + 19,45

445,6 – 79,9

40,5 x 6,7

76,05 : 4,5

**Câu 8.** Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ? (1điểm) M3?

**Câu 9.** Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100$m^2$ thu được 15kg thóc. Tính:

a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó?

b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc? (1 điểm)

**Câu 10.** (1điểm)

Tìm hai số, biết ¾ số thứ nhất thì bằng 5/8 số thứ hai và hiệu hai số là 36

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI**

Từ câu 1 đến câu 6. Học sinh khoanh đúng mỗi câu được 1 điểm

| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ý đúng | B | D | C | D | A | B |
| Điểm | 1điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm |

Học sinh khoanh 2, 3 ý trong 1 câu không tính điểm

**Câu 7** (1 điểm) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,25 điểm

**Câu 8** (1điểm)

Bài giải

Thời gian xe máy đi hết quảng đường AB là: 0,5 điểm

9 giờ 30 phút – 8 giờ 30 phút = 1 (giờ)

Vận tốc trung bình của xe máy là:

60 : 1 = 60 (km/giờ) 0,5 điểm

Đáp số: 60 km/giờ

**Câu 9** (1 điểm)

Bài giải

a ) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là:

120 x 90 = 10800 ($m^2$) 0,5 điểm

b) Cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được số tạ thóc là:

10800 : 100 x 15 = 1620 (kg)

1620 kg = 16,2 tạ 0,5 điểm

Đáp số: a) 10800$m^2$; b) 16,2 tạ thóc

**Câu 10** (1 điểm)

Bài giải

Ta có ¾ = 15/20; 5/8 = 15/24 0,35 điểm

Nếu số thứ nhất là 20 phần thì số thứ hai 24 phần

Vậy hiệu số phần là: 24 – 20 = 4

Số thứ nhất là: 36 : 4 x 20 = 180 0,35 điểm

Số thứ hai là: 180 + 36 = 216

Đáp số: 180 và 216 0,3 điểm.